| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ HÒA T**<br>**TỈNH TÂY N** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA T**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thinh.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Trần Văn Thạch
2/ Bà Võ Thị Trâm

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa***:
Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P - sinh năm 1974;
Địa chỉ: Số 47C, đường Ngô Q, ấp L K, xã L T N, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Phước L - sinh năm 1973
Địa chỉ: Số 47C, đường Ngô Q, ấp L K, xã L T N, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

(Các đương sự có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn* chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh L chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N. Trong thời gian vợ chồng sống chung có nhiều mâu thuẫn về quan niệm sống cách sống, bản thân chị cố gắng để sống hòa hợp với chồng nhưng cuộc sống ngày càng tệ hơn, từ năm 2019 chị đã làm đơn ly hôn nhưng chưa gởi đến Tòa án, vì nhiều lý do, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay, nay vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống không thể tiếp tục kéo dài được nữa, nên yêu cầu đươc ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Chí T - sinh ngày 2001, Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 2006, cháu T đã trưởng T không yêu cầu giả quyết, cháu T sống với ai do nguyện vọng của cháu, sống với chị thì chị nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu, không nợ chung.

*Bị đơn anh Nguyễn Phước L trình bày*: Anh và chị P chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn như chị P khai, quá trình sống chung có mâu thuẫn do tính cách mỗi bên, anh thừa nhận vợ chồng khó nói chuyện với nhau, anh có nhìn nhận là anh sai, anh sẽ sửa đổi. Trước đó anh có năn nỉ, sau này anh không năn nỉ nữa, anh để cho qua phòng con gái anh ngủ mấy tháng nay, nói chung có nhiều chuyện không phải một chuyện đó, vợ chồng anh không sống ly thân, chỉ mấy tháng nay vợ anh qua phòng con gái ngủ, còn mọi chuyện vẫn bình thường, anh còn thương vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như vợ khai, anh đồng ý ý kiến của vợ.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm Q của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng Q và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Con chung cháu T đã trường T không giải quyết, cháu T giao cho chị P nuôi dưỡng; ghi nhận chị P không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có, nên không đặt ra giải quyết; tính án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Phước L, có địa chỉ tại xã L T N, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N, theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Phước L chung sống với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa, huyện Hòa T (nay là thị xã Hòa T), tỉnh Tây N, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung, theo chị P vợ chồng sống chung có nhiều mâu thuẫn, từ năm 2019 chị đã làm đơn ly hôn nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên chị chưa gửi đơn đến Tòa án, quá trình mâu thuẫn kéo dài, nay hàn gắn không được, chị yêu cầu được ly hôn. Đối với anh L thừa nhận vợ chồng sống chung có mâu thuẫn, có cãi vã nhau và hiện nay vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau, nhưng anh còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn.

Thấy rằng, chị P và anh L sống chung có mâu thuẫn, theo chị P chị và anh L vẫn sống chung nhà, nhưng vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Ngược lại anh L cũng xác định vợ chồng vẫn sống chung nhà, chỉ mấy tháng nay vợ qua ngủ với con gái nên anh không nói tới vợ, công việc của ai người đó làm. Chị P và anh L đều thừa nhận vợ chồng không thể ngồi bàn bạc nói chuyện với nhau được, vì cách sống và quan điểm của mỗi người khác nhau. Tại phiên tòa, chị P xác định chị không còn tình cảm với anh L, không còn thương anh L, vợ chồng không hàn gắn được, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh L để giải thoát cho nhau, cả hai ổn định cuộc sống riêng của mỗi người, anh L không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, giữa chị P và anh L không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên tên Nguyễn Chí T - sinh năm 2001, Nguyễn Thị Thanh T - sinh ngày 28 tháng 02 năm 2006. Ý kiến chị P, cháu T đã trưởng T không yêu cầu giải quyết, cháu T sống với ai do nguyện vọng của cháu, sống với chị thì chị nuôi và chị không yêu cầu cấp dưỡng; ý kiến của anh L thống nhất ý kiến của chị P. Qua hỏi nguyện vọng của cháu T, cháu có nguyện vọng sống với chị P, nên cần giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu T là phù hợp với nguyện vọng của cháu và ý kiến của anh L. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do chị P không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có Q và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có Q cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Chí T - sinh năm 2001 đã trưởng T, chị P và anh L không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị P phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P đối với anh Nguyễn Phước L.

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Phước L được ly hôn.

**2.** Về con chung: Giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thị Thanh T - sinh ngày 28 tháng 02 năm 2006.

Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con là cháu T, vì chị P không yêu cầu.

Anh L có Q và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có Q cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Chí T - sinh năm 2001 đã trưởng T, nên không đặt ra giải quyết.

**3.** Tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020955 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, chị P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

**5.** Về Q kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- THADS thị xã Hòa Thành;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

**Nguyễn Thị Thinh**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tây Ninh**;**
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

**Nguyễn Thị Thinh**